

Bản án số: 83/2020/DSST

Ngày: 11/12/2020

“V/v: *Tranh chấp  
hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Ngô Thị Thao

2. Bà Trần Thị Ánh Tuyết.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Phạm Thị Ngọc Yên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2020/DS – ST ngày 03 tháng 3 năm 2020; về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2020/QĐST - DS ngày 26 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

Địa chỉ: 02 Láng H, quận Ba Đ, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Trần Đức L, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Chư Á thuộc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V– Chi nhánh Đông Gia L (Theo giấy ủy quyền số 168/ NHNoĐGL – KTKS ngày 10/02/2020, ông L có mặt.

**2. Bị đơn:** Ông Trần Hùng C, sinh năm: 1989

Địa chỉ: thôn 5, xã An P, TP.P, tỉnh G, ông C vắng mặt.

Bà Trần Thị Mai Á, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: thôn 5, xã An P, TP.P, tỉnh G, bà Á vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/2/2020 và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Hùng C trình bày:*

Vào ngày 19/7/2018 ông Trần Hùng C và bà Trần Thị Mai Á có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V chi nhánh Đông Gia L – Phòng giao dịch C, tại Hợp đồng tín dụng số 2018070237/HĐTD với số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Mục đích vay chi phí sản xuất kinh doanh, đời sống hộ gia đình (chăn nuôi bò), lãi suất xác định theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Để đảm bảo khoản nợ vay nói trên ông Trần Hùng C và bà Trần Thị Mai Á đã thế chấp tài sản tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V chi nhánh Đông Gia L – Phòng giao dịch C các tài sản, cụ thể như sau:

+ Quyền sử dụng đất số CN 124416 số vào sổ cấp GCN số CS06173 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh G cấp ngày 13/7/2018, thửa số 1159, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: thôn 10, xã An P. TP.P, tỉnh G. Diện tích 171,2m<sup>2</sup>, trong đó 50m<sup>2</sup> đất ở và 121,2m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng ngày 18/7/2018 và Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 19/7/2018. Giá trị tài sản tại thời điểm vay vốn là 186.000.000đ (một trăm tám mươi sáu triệu đồng).

+ Tài sản gắn liền với đất là nhà ở: thôn 10, xã An P, TP.P, tỉnh G, loại nhà cấp 4; diện tích 50m<sup>2</sup>; kết cấu tường gạch, nền lát gạch hoa, mái lợp tôn, giấy tờ chứng minh: Giấy xác nhận hiện trạng nhà ở do UBND xã An P ký ngày 18/7/2018, giá trị là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).

Tính đến kỳ hạn trả lãi ngày 21/02/2019 và kỳ hạn trả nợ gốc vào ngày 19/7/2019 nhưng ông Trần Hùng C và bà Trần Thị Mai Á không thực hiện trả nợ như cam kết trong hợp đồng tín dụng, hiện ông Trần Hùng C và bà Trần Thị Mai Á không có mặt tại địa phương nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V chi nhánh Đông Gia L – Phòng giao dịch C.

Tính đến hết ngày 14/02/2020 số tiền dư nợ của ông Trần Hùng C và bà Trần Thị Mai Á, tạm tính là 232.216.438đ, trong đó nợ gốc là 200.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 29.052.055đ, nợ tiền lãi quá hạn 3.164.384đ.

Từ ngày vay đến kỳ hạn trả nợ gốc theo Hợp đồng Tín dụng đã ký kết, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V chi nhánh Đông Gia L – Phòng giao dịch C đã nhiều lần mời ông Trần Hùng C và bà Trần Thị Mai Á đến làm việc và thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng không đạt kết quả, ông C và bà Á liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân Hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V chi nhánh Đông Gia L – Phòng giao dịch C.

Vì vậy, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V đề nghị Tòa án nhân dân TP.P, tỉnh G buộc ông Trần Hùng C và bà Trần Thị Mai Á có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi vay hiện còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V số tiền theo Hợp đồng tín dụng 2018070237/HĐTD ngày 19/7/2018 tính đến ngày xét xử sơ thẩm là:

Nợ gốc: 200.000.000đ

Nợ lãi trong hạn: 47.194.521đ.

Nợ lãi quá hạn: 9.869.863đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 257.064.384đ.

Trường hợp ông Trần Hùng C và bà Trần Thị Mai Á không thanh toán dứt điểm ngay và toàn bộ số nợ gốc và lãi vay hiện còn, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V đề nghị phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, (nếu có)), theo Hợp đồng đảm bảo tiền vay đã ký.

*Ý kiến bị đơn:*

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với các bị đơn là ông Trần Hùng C và bà Trần Thị Mai Á, tuy nhiên ông Trần Hùng C và bà Trần Thị Mai Á không có ý kiến gì và cũng không tham gia các buổi hòa giải cũng như không tham gia xét xử, nên ông Trần Hùng C và bà Trần Thị Mai Á không có lời khai tại hồ sơ vụ án cũng như không có lời khai tại phiên tòa.

*Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh G tham gia phiên tòa:*

\* Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Các bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng các bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

\* *Về nội dung vụ án:*

- Căn cứ Điều 299; Điều 320 và Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 của của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải trả cho nguyên đơn là Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn V số tiền: 257.064.384đ (hai trăm năm mươi bảy triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và nợ lãi là: 57.064.384đ (năm mươi bảy triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng). Trường hợp các bị đơn không trả được khoản nợ nói trên thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V có quyền yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản mang tên ông Trần Hùng C để đảm bảo thi hành án.

Buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, nguyên đơn phải chịu chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện liên quan đến việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Theo kết quả xác minh của Tòa án các bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 5, xã An P, TP.P, tỉnh G cùng với địa chỉ mà nguyên đơn đã cung cấp trong đơn khởi kiện và đúng với địa chỉ đã ghi trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp bất động sản, tuy nhiên khi Tòa án tổng đạt thông báo Thụ lý vụ án, các bị đơn là ông Trần Hùng C và bà Trần Thị Mai Á đã đi khỏi nơi cư trú mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án, khi đi các bị đơn không thông báo cho nguyên đơn và Cơ quan có thẩm quyền biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015, đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ, như vậy, xác định các bị đơn có nơi cư trú tại: thôn 5, xã An P, TP.P, tỉnh G, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án TP.P.

Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với các bị đơn và đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bị đơn để tiến hành giải quyết theo thủ tục chung là đúng theo quy định tại các Điều 177, 180, 192 của BLTTDS năm 2015.

- Các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến hay phản đối lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy các bị đơn là ông C và bà Á đã mặc nhiên chấp nhận việc khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V và đồng thời xem như ông C và bà Á đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V chi nhánh Đông Gia L – Phòng giao dịch C và ông Trần Hùng C, bà Trần Thị Mai Á có giao kết Hợp đồng tín dụng số 20180700237/HĐTD ngày 19/7/2018 để vay số tiền 200.000.000đ, để đảm bảo cho khoản vay nói trên ông Trần Hùng C và bà Trần Thị Mai Á đã thế chấp các tài sản như sau:

+ Quyền sử dụng đất số CN 124416 số vào sổ cấp GCN số CS06173 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh G cấp ngày 13/7/2018, thửa số 1159, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: thôn 10, xã An P, TP.P, tỉnh G. Diện tích 171,2m<sup>2</sup>, trong đó 50m<sup>2</sup> đất ở và 121,2m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng ngày 18/7/2018 và Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 19/7/2018. Giá trị tài sản tại thời điểm vay vốn là 186.000.000đ (một trăm tám mươi sáu triệu đồng).

+ Tài sản gắn liền với đất là nhà ở: thôn 10, xã An P, TP.P, tỉnh G, loại nhà cấp 4; diện tích 50m<sup>2</sup>; kết cấu tường gạch, nền lát gạch hoa, mái lợp tôn, giấy tờ chứng minh: Giấy xác nhận hiện trạng nhà ở do UBND xã An P ký ngày 18/7/2018, giá trị là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).

[3] Trên cơ sở Hợp đồng đã ký kết Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V chi nhánh Đông Gia L – Phòng giao dịch C cho ông Trần Hùng C và bà Trần Thị Mai Á vay số tiền: 200.000.000 đồng theo như thỏa thuận giữa các bên. Hợp đồng tín dụng giữa hai bên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy nên Hợp đồng nói trên là hợp pháp nên phát sinh hiệu lực.

[4] Theo các tài liệu chứng cứ do Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp thể hiện trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay ông Trần Hùng C và bà Trần Thị Mai Á đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi hàng tháng, vi phạm kỳ hạn thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, mặc dù phía Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn V chi nhánh Đông Gia L – Phòng giao dịch C đã nhiều lần gửi giấy báo nhắc nợ, nhưng ông C và bà Á không hợp tác và không có thiện chí trả nợ.

[5] Vì vậy từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy căn cứ vào Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật Tổ chức các Tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V buộc ông Trần Hùng C và bà Trần Thị Mai Á phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V chi nhánh Đông Gia L – Phòng giao dịch C số tiền: 200.000.000đ nợ gốc và nợ lãi là: 57.064.384đ.

Trường hợp ông Trần Hùng C và bà Trần Thị Mai Á không có khả năng thanh toán, thì Ngân hàng có quyền phát mãi toàn bộ tài sản ông Trần Hùng C và bà Trần Thị Mai Á đã thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

[6] Bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Do đó các bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.000.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[7] Về án Phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo luật định. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp trước đây.

[8] Về lệ phí: Do nguyên đơn có yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nên nguyên đơn phải chịu lệ phí là 5.100.000đ. Nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 180; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 299; Điều 320; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

2. Buộc ông Trần Hùng C và bà Trần Thị Mai Á phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V số tiền: 257.064.384đ (hai trăm năm mươi bảy triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và nợ lãi là tính đến ngày 11/12/2020 là: 57.064.384đ (năm mươi bảy triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng).

Trường hợp ông Trần Hùng C và Bà Trần Thị Mai Á không trả được khoản nợ nói trên thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V có quyền yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản mang tên ông Trần Hùng C để đảm bảo thi hành án, các tài sản gồm:

+ Quyền sử dụng đất số CN 124416 số vào sổ cấp GCN số CS06173 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh G cấp ngày 13/7/2018, thửa số 1159, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: thôn 10, xã An P, TP.P, tỉnh G. Diện tích 171,2m<sup>2</sup>, trong đó 50m<sup>2</sup> đất ở và 121,2m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng ngày 18/7/2018 và Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 19/7/2018. Giá trị tài sản tại thời điểm vay vốn là 186.000.000đ (một trăm tám mươi sáu triệu đồng).

+ Tài sản gắn liền với đất là nhà ở: thôn 10, xã An P, TP.P, tỉnh G, loại nhà cấp 4; diện tích 50m<sup>2</sup>; kết cấu tường gạch, nền lát gạch hoa, mái lợp tôn, giấy tờ chứng minh: Giấy xác nhận hiện trạng nhà ở do UBND xã An P ký ngày 18/7/2018, giá trị là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).

*“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án ông Trần Hùng C và bà Trần Thị Mai Á còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2018070237/HĐTD ngày 19/7/2018 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.*

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Trần Hùng C và bà Trần Thị Mai Á phải trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 5.100.000đ (năm triệu một trăm nghìn đồng). Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã nộp đủ số tiền này.

4. Về án phí: Ông Trần Hùng C và bà Trần Thị Mai Á phải chịu: 12.853.219 đ (mười hai triệu tám trăm năm mươi ba nghìn hai trăm mười chín đồng); hoàn trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp trước đây là: 5.805.411đ (năm triệu tám trăm lẻ năm nghìn bốn trăm mười một đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004767 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP.P.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 11/12/2020) Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đối với các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tp Pleiku;
- Chi cục THADS tp Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**